

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Ban hành Quy chế Công bố thông tin của
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung ngày 20 tháng 11 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP An Bình ngày 25 tháng 4 năm 2019;
- Xét Tờ trình số 46 /TT-VPHĐQT ngày 22/5/2020 của Văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP An Bình;
- Căn cứ kết quả tổng hợp ý kiến biểu quyết của các Thành viên HĐQT theo Phiếu trình ABBANK46-2020 của Văn phòng HĐQT,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBANK).
- Điều 2.** Bãi bỏ Quyết định số 98/QĐ-HĐQT.13 ngày 14/10/2013 của Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.
- Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ngày 01 tháng 6 năm 2020.

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VPHĐQT.





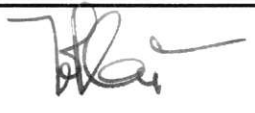
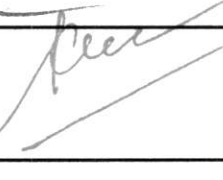
**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH**

Số QĐ: 681/CĐ-HĐQT. 20

Ngày: 27/5/2020

THEO DÕI THAY ĐỔI VĂN BẢN

Lần ban hành	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nội dung	Ghi chú
Lần 1	27/5/2020	01/6/2020	Quy chế Công bố thông tin của Ngân hàng TMCP An Bình	

Thực hiện	Họ và tên	Chức danh	Chữ ký
Soạn thảo	Vũ Quỳnh Hương	Trưởng Phòng Marketing và Truyền thông – Khối Tổng hợp	
	Trần Nam Sơn	Phó Giám đốc Văn phòng HĐQT	
Kiểm tra nội dung	Đỗ Anh Thư	Giám đốc Văn phòng HĐQT	
	Nguyễn Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc (phụ trách Khối Tổng hợp)	
	Phạm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc (phụ trách Khối QLRR)	
	Đỗ Lam Điền	Phó Tổng Giám đốc (phụ trách Khối TCKT)	
	Đạt Khánh Toàn	Phó phụ trách Ban Pháp chế và Tuân thủ	
Kiểm tra chung	Lê Hải	Q. Tổng Giám đốc	
Phê duyệt	Đào Mạnh Kháng	Chủ tịch HĐQT	

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 68/QĐ-HĐQT.20 ngày 27 tháng 5 năm 2020)

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Tài liệu bên ngoài

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010 đã được sửa đổi, bổ sung ngày 20/11/2017;
- Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 đã được sửa đổi, bổ sung ngày 24/11/2010;
- Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (sau đây gọi tắt là “Thông tư 155/2015/TT-BTC”);
- Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Thông tư 41”);
- Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Thông tư 13”);
- Thông tư 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam, đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 17/2017/TT-NHNN, Thông tư số 17/2018/TT-NHNN, Thông tư số 28/2018/TT-NHNN, Thông tư số 25/2019/TT-NHNN (Văn bản hợp nhất số 48/VBHN-NHNN ngày 12/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);
- Thông tư số 21/2013/TT-NHNN ngày 09/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại, đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 29/2015/TT-NHNN, Thông tư số 17/2018/TT-NHNN, Thông tư số 14/2019/TT-NHNN (Văn bản hợp nhất số 33/VBHN-NHNN ngày 16/9/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);
- Thông tư 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Nghị định 108/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23/09/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thông tư 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;
- Quyết định 296/QĐ-UBCK ngày 31/3/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng hệ thống công bố thông tin IDS Plus của UBCK;
- Các Quy chế công bố thông tin trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Tài liệu nội bộ

- Điều lệ Ngân hàng TMCP An Bình ngày 25/04/2019;
- Quy định về việc thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-HĐQT.16 ngày 11/10/2016 của Hội đồng Quản trị;
- Quy chế soạn thảo và ban hành văn bản ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-HĐQT.18 ngày 28/12/2018 của Hội đồng Quản trị;
- Chính sách đánh giá chất lượng tài sản có và quản lý tỷ lệ an toàn vốn ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT.20 ngày 20/01/2020 của Hội đồng Quản trị.

Tài liệu tham chiếu nêu trên bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế được ban hành sau đó (nếu có).

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của ABBANK theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý có thẩm quyền; việc phát ngôn và truyền thông ra công chúng.
2. Việc báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các quy định về chế độ thông tin, báo cáo hiện hành hoặc theo văn bản yêu cầu cụ thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Quy định này áp dụng cho tất cả các đối tượng sau:
 - a) ABBANK và các đơn vị, cá nhân liên quan thuộc ABBANK;
 - b) Cổ đông và người có liên quan của cổ đông ABBANK;
 - c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư cổ phiếu ABBANK;
 - d) Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ của ABBANK.

Điều 2. Mục đích ban hành

Quy chế này được ban hành nhằm bảo đảm tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin của ABBANK theo quy định của pháp luật; bảo đảm việc cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý, cổ đông, nhà đầu tư và công chúng được thực thi một cách minh bạch, công bằng và phù hợp với thông lệ tốt; góp phần nâng cao hình ảnh của ABBANK trên thị trường.

Quy chế này phải được phổ biến đến các cá nhân, bộ phận liên quan và được rà soát hàng năm để kịp thời sửa đổi, bổ sung cập nhật cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tế hoạt động của ABBANK¹.

Điều 3. Định nghĩa và các từ viết tắt

1. **ABBANK/Ngân hàng:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình
2. **DHĐCĐ:** Đại hội đồng Cổ đông
3. **HĐQT:** Hội đồng Quản trị
4. **UBCK:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
5. **Sở GDCK:** Sở Giao dịch Chứng khoán
6. **NHNN:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
7. **VSD:** Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Lưu ký Chứng khoán
8. **Website ABBANK:** Trang thông tin điện tử chính thức của ABBANK
9. **IDS Plus/IDS:** Hệ thống công bố thông tin của UBCK để thực hiện báo cáo và công bố thông tin bằng hình thức điện tử tại địa chỉ <http://ids.ssc.gov.vn>. Thông tin được báo cáo và công bố qua IDS Plus gồm:
 - a) Thông tin công bố định kỳ, bất thường và thông tin công bố theo yêu cầu;
 - b) Thông tin liên quan đến chào bán phát hành chứng khoán, giao dịch cổ phiếu quỹ, chào mua công khai.
10. **Đơn vị công bố thông tin:** Phòng Marketing và Truyền thông - Khối Tổng hợp ABBANK
11. **Đơn vị cung cấp thông tin:** Các Đơn vị thuộc ABBANK.
12. **Cổ đông lớn:** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của ABBANK
13. **Người nội bộ:** là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Thành viên Ban Điều hành; Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị Công ty; Người được ủy quyền công bố thông tin; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh ABBANK ký kết giao dịch theo quy định tại Điều lệ.
14. **Người có liên quan** của ABBANK, của cổ đông lớn, người nội bộ ABBANK được xác định theo quy định tại Khoản 14 Điều 3 Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày

¹ Điểm e Khoản 2 Điều 20 Thông tư 41/2016/TT-NHNN

15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và quy định của Luật Chứng khoán.

15. **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận:** là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.
16. **Truyền thông ra công chúng:** là việc cung cấp thông tin cho báo chí (báo viết, báo nói, báo hình, báo điện tử), các trang thông tin điện tử, các diễn đàn, mạng xã hội, các kênh truyền thông đại chúng khác.

Điều 4. Nguyên tắc chung trong công bố thông tin²

1. Việc công bố thông tin phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời và phù hợp với quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này. ABBANK áp dụng các tiêu chuẩn, yêu cầu và thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt về công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn, công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.
2. Việc công bố thông tin phải do người có thẩm quyền thực hiện. Thông tin do ABBANK công bố chỉ được thực hiện khi nội dung thông tin dự định công bố đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Nội dung thông tin công bố đảm bảo tính công khai, minh bạch và tiếp cận công bằng, thuận tiện cho cổ đông và công chúng. Số liệu công bố phải thống nhất với các số liệu trong Báo cáo tài chính tại cùng thời điểm.
4. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là Tiếng Việt bảo đảm rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm. Khuyến khích thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh. Trường hợp pháp luật quy định công bố thông tin bổ sung bằng ngôn ngữ khác thì ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin sẽ bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ đó theo quy định của pháp luật.
5. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đã công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
6. Đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin được công bố dưới dạng văn bản, dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Thông tin được công bố qua trang Website ABBANK phải được lưu giữ tối thiểu 5 năm trên trang web này.
7. Đối tượng công bố thông tin phải đồng thời báo cáo đầy đủ thông tin công bố theo quy định cho UBCK, NHNN, Sở GD&ĐT, VSD.
8. Việc công bố các thông tin cá nhân ra công chúng bao gồm số thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, tài khoản lưu ký chứng khoán, tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý. Trường

² Điều 3 Thông tư 155/2015/TT-BTC; Khoản 5 Điều 24 và Khoản 2 Điều 28 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân nói trên và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai ra công chúng các thông tin cá nhân thì phải gửi UBCK, Sở GDCK 02 bản tài liệu công bố thông tin: 01 bản có đầy đủ và 01 bản không có các thông tin cá nhân.

9. Bảo đảm phòng chống các xung đột lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của ABBANK hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin³

1. Người thực hiện công bố thông tin của ABBANK:

- a) ABBANK thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của ABBANK có thể ủy quyền cho người khác thực hiện việc công bố thông tin và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Việc ủy quyền được lập thành văn bản.
- b) Việc đăng ký, đăng ký lại thông tin người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này cho UBCK và Sở GDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.
Việc đăng ký, cập nhật, thay đổi thông tin của người phụ trách công bố thông tin qua hệ thống IDS được thực hiện theo Quy chế sử dụng IDS của UBCK trong từng thời kỳ.
- c) Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt và không thể thực hiện việc công bố thông tin thì Tổng Giám đốc thay thế thực hiện việc công bố thông tin;
- d) Đơn vị công bố thông tin của ABBANK là đầu mối tập trung thực hiện việc công bố thông tin của ABBANK theo quy định của pháp luật và Quy chế này;
- e) Việc gửi báo cáo định kỳ hoặc báo cáo về sự kiện phải công bố thông tin cho NHNN, UBCK, Sở GDCK, cơ quan quản lý có thẩm quyền do Đơn vị cung cấp thông tin chịu trách nhiệm thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông ABBANK; nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư cổ phiếu ABBANK; người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của ABBANK phải tự mình công bố thông tin hoặc ủy quyền cho đơn vị, cá nhân khác công bố thông tin

³ Điều 4 Thông tư 155/2015/TT-BTC; Quyết định 296/QĐ-UBCK

theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC và phải chịu trách nhiệm về thông tin công bố theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin⁴

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử chính thức của ABBANK (Website ABBANK);
 - b) Hệ thống công bố thông tin của UBCK;
 - c) Hệ thống công bố thông tin của Sở GD&ĐT/VSD;
 - d) Phương tiện công bố thông tin khác theo quy định của pháp luật (bao gồm phương tiện công bố thông tin của NHNN, báo in, báo điện tử).
2. ABBANK lập và duy trì trang thông tin điện tử bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - a) Có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Luật Các tổ chức tín dụng; Luật Chứng khoán và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Ngân hàng, Quy chế quản trị nội bộ, Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo quy định pháp luật và Quy chế này;
 - b) Hiện thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó;
 - c) Lưu giữ thông tin công bố tối thiểu 5 năm.
3. Cách thức gửi thông tin công bố:
 - a) Các đơn vị cung cấp thông tin thuộc ABBANK và các đối tượng liên quan khác có nghĩa vụ công bố thông tin gửi thông tin phải công bố cho Đơn vị công bố thông tin để đăng tải trên Website ABBANK và phối hợp với Đơn vị công bố thông tin của ABBANK để thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin khác theo quy định. Văn phòng HĐQT tiếp nhận thông tin công bố từ cổ đông và người có liên quan của cổ đông và phối hợp với Đơn vị công bố thông tin để thực hiện việc công bố.
 - b) Đơn vị công bố thông tin của ABBANK thực hiện công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCK, Sở GD&ĐT và các phương tiện công bố thông tin khác theo hướng dẫn của các cơ quan, tổ chức có này.
 - c) Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ thì thực hiện công bố thông tin trên website ABBANK và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

⁴Điểm b Khoản 3 Điều 3, Điều 5 Thông tư 155/2015/TT-BTC; điểm c Khoản 4 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 7. Tài liệu công bố thông tin

1. Đối với các tài liệu dưới dạng văn bản là bản chính, bản sao hợp lệ
 - a) Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;
 - b) Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản của tổ chức đã được người có thẩm quyền ký tên, đóng dấu của tổ chức đó.
2. Đối với các tài liệu là dữ liệu điện tử: được tạo lập và gửi nhận theo định dạng và hướng dẫn của đơn vị, tổ chức có liên quan.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin⁵

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và những trường hợp bất khả kháng khác) thì đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCK, Sở GDCK việc tạm hoãn công bố thông tin, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó đã tạm hoãn công bố.

Điều 9. Xử lý vi phạm⁶

Đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ và đối tượng vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật và của ABBANK.

Chương II THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA ABBANK

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ

1. **Báo cáo tài chính năm** (đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận)⁷.
 - a) Báo cáo tài chính gồm cả Báo cáo tài chính năm riêng lẻ và Báo cáo tài chính năm hợp nhất phải có đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận

⁵ Điều 6 Thông tư 155/2015/TT-BTC

⁶ Điều 7 Thông tư 155/2015/TT-BTC

⁷ Khoản 1 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC

toàn phần báo cáo tài chính, ABBANK phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của ABBANK;

- c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng chậm nhất là ngày 31/3 hàng năm. Trường hợp phải lập Báo cáo tài chính năm hợp nhất và xét thấy không thể hoàn thành việc công bố Báo cáo tài chính năm trong thời hạn trên thì Tổng Giám đốc ABBANK phải gửi văn bản xin UBCK gia hạn thời gian công bố Báo cáo tài chính năm. Việc chậm công bố Báo cáo tài chính năm chỉ được phép khi có văn bản chấp thuận của UBCK, nhưng tối đa không chậm hơn 10/4 của năm tiếp theo.
- d) Khi công bố thông tin ABBANK phải đồng thời giải trình nguyên nhân trên cả cơ sở báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất khi xảy ra một trong các trường hợp sau⁸:
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
 - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

2. **Báo cáo tài chính bán niên** (đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận)⁹.

- a) Báo cáo tài chính bán niên gồm Báo cáo tài chính bán niên riêng lẻ và Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất phải bảo đảm là báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của ABBANK. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của ABBANK trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;
- b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên: 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét, chậm nhất là ngày 14/8 hàng năm. Trường hợp phải lập báo cáo bán niên hợp nhất và xét thấy không thể hoàn thành việc công bố Báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn trên thì Tổng Giám đốc ABBANK phải gửi văn bản xin

⁸ Khoản 4 Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC

⁹ Khoản 2 Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC

UBCK gia hạn thời gian công bố Báo cáo tài chính bán niên. Việc chậm công bố Báo cáo tài chính bán niên chỉ được phép khi có văn bản chấp thuận của UBCK, nhưng tối đa không chậm hơn ngày 29/8 của năm đó;

c) Thực hiện yêu cầu quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này.

3. **Báo cáo tài chính quý** hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)¹⁰.

- a. Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của ABBANK trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;
- b. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý chậm nhất là ngày 20 của tháng liền kề quý báo cáo. ABBANK công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét. Trường hợp phải lập Báo cáo tài chính quý hợp nhất và xét thấy không thể hoàn thành việc công bố Báo cáo tài chính quý trong thời hạn trên thì Tổng Giám đốc ABBANK phải gửi văn bản xin UBCK gia hạn thời gian công bố Báo cáo tài chính quý. Việc chậm công bố Báo cáo tài chính bán niên chỉ được phép khi có văn bản chấp thuận của UBCK, nhưng tối đa không chậm hơn ngày 30 của tháng liền kề quý báo cáo;
- c. Thực hiện yêu cầu quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này.

4. **Báo cáo thường niên**¹¹.

ABBANK lập báo cáo thường niên bao gồm các thông tin theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Báo cáo thường niên được công bố trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán nhưng không vượt quá ngày 30/4 năm tiếp theo. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

5. **Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên**¹².

- a) Chậm nhất 35 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, ABBANK phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để thực hiện quyền tham dự cuộc họp. Thời gian chốt danh sách cổ đông tối thiểu 20 ngày sau ngày công bố thông tin chốt danh sách cổ đông nhưng không sớm hơn 5 ngày trước ngày dự kiến gửi thông báo mời họp;
- b) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, ABBANK phải gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ và công bố thông tin trên Website ABBANK và của UBCK, Sở

¹⁰ Khoản 3 Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC

¹¹ Khoản 2 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC

¹² Khoản 3 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC; Khoản 1 Điều 137, Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2014; Khoản 1 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

GDCK về việc họp ĐHĐCĐ trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình dự kiến cuộc họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng Quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- c) Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ;
- d) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất, ABBANK phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b Khoản này cho tới khi tổ chức thành công ĐHĐCĐ;
- e) Biên bản cuộc họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin và đăng tải trên Website ABBANK chậm nhất 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ.

6. Báo cáo tình hình quản trị công ty¹³.

Định kỳ 06 tháng và năm, ABBANK phải công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị được lập theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị ABBANK chậm nhất là ngày 30/7 và ngày 30/01 hàng năm.

7. Hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn¹⁴.

ABBANK thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán và các quy định pháp luật về thay đổi mức vốn điều lệ, phát hành trái phiếu, giấy tờ có giá của ngân hàng thương mại;

8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài¹⁵.

ABBANK công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của ABBANK, của Sở GDCK và VSD theo quy định pháp luật hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

¹³ Khoản 6 Điều 11 Thông tư 155/TT-BTC

¹⁴ Khoản 4 Điều 8 Thông tư 155/TT-BTC

¹⁵ Khoản 5 Điều 8 Thông tư 155/TT-BTC

9. **Tỷ lệ an toàn vốn¹⁶.**

Định kỳ 6 tháng một lần theo năm tài chính, ABBANK phải công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn theo các nội dung quy định tại Chính sách đánh giá chất lượng tài sản có và quản lý tỷ lệ an toàn vốn ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT.20 ngày 20/01/2020 của Hội đồng Quản trị. Thời hạn công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn theo thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm.

10. **Công khai thông tin về các lợi ích liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương khác¹⁷**

Trên cơ sở thông tin do các đối tượng trên cung cấp và cập nhật, ABBANK công khai định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng Cổ đông các thông tin sau:

- a) Thông tin về tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà các đối tượng này và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
- b) Thông tin của doanh nghiệp mà các đối tượng này và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Thành viên, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).

11. **Công bố thông tin định kỳ khác.**

ABBANK thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ khác theo quy định của NHNN, Bộ Tài chính, UBCK, Sở GDCK, VSD phát sinh trong từng thời kỳ.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường¹⁸

1. ABBANK phải công bố thông tin bất thường nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có) trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Tài khoản của ABBANK bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính ABBANK;
 - b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký

¹⁶ Điều 20 Thông tư 41/2016/TT-NHNN

¹⁷ Điều 39 Luật Các tổ chức tín dụng

¹⁸ Điều 9 và Điều 12 Thông tư 155/2015/TT-BTC

doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán; Trong thời hạn tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoạt động kinh doanh được NHNN chấp thuận, ABBANK có trách nhiệm đăng trên các phương tiện thông tin của NHNN, Website ABBANK và tại một tờ báo viết hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam, trong đó phải có các thông tin về thời gian và lý do tạm ngừng hoạt động¹⁹.

- c) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc huỷ niêm yết thì thông tin công bố phải bao gồm tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật;
- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên, con dấu của ABBANK; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ABBANK;
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;
- h) Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK với người nội bộ hoặc người có liên quan;
- i) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; hoặc bán để giảm sở hữu tại một công ty dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;
- j) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;
- k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

¹⁹ Khoản 3 Điều 10 Thông tư 50/2018/TT-NHNN

- Trường hợp ABBANK phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm ABBANK báo cáo UBCK về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - Trường hợp ABBANK giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm ABBANK báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;
 - Trường hợp ABBANK mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động, ABBANK công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;
- l) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của ABBANK được sửa đổi, bổ sung;
 Trường hợp Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của ABBANK được sửa đổi, bổ sung nội dung: tên; địa điểm đặt trụ sở chính; mức vốn điều lệ; địa điểm đặt trụ sở chi nhánh; nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động thì ABBANK phải công bố trên tất cả các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này, trong đó phải công bố trên một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được NHNN chấp thuận²⁰;
 ABBANK thực hiện công bố nội dung thay đổi trên Website của ABBANK và tại trụ sở chính, chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của NHNN khi thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch hoặc trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi thực hiện thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp hoặc thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong trường hợp tổ chức lại ABBANK²¹;
- m) ABBANK thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, ABBANK gửi cho UBCK, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;
- n) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của ABBANK;
- o) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của ABBANK; kết luận của cơ quan thuế về việc ABBANK vi phạm pháp luật về thuế;

²⁰ Điểm c Khoản 4 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng và Khoản 3 Điều 10 Thông tư 50/2018/TT-NHNN; điểm b Khoản 3 Điều 18b Thông tư 40/2011/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 17/2017/TT-NHNN, Thông tư 17/2018/TT-NHNN, Thông tư 28/2018/TT-NHNN, Thông tư 25/2019/TT-NHNN) – Theo Văn bản hợp nhất số 48/VBNH-NHNN ngày 12/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

²¹ Điều 21 Thông tư 21/2013/TT-NHNN.

- p) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của ABBANK có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.
- Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của ABBANK đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, ABBANK công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.
- q) ABBANK nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- r) Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của ABBANK theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp²².
- s) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.
- t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của ABBANK tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của ABBANK tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- u) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở GDCK;
- v) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, tình hình quản trị, giá chứng khoán hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, ABBANK phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCK, Sở GDCK²³;
- w) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công bố thông tin về hợp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản²⁴:
- a) Việc công bố thông tin về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện như công bố thông tin về hợp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Quy chế này;

²² Khoản 2 Điều 29 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

²³ Khoản 1 Điều 3 Thông tư 155/2015/TT-BTC

²⁴ Khoản 5 Điều 10 Thông tư 155/2015/TT-BTC

- b) Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, thời hạn gửi văn bản xin ý kiến cổ đông và tài liệu kèm theo ít nhất 10 ngày trước thời hạn cuối cùng cổ đông trả lời và gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc công bố thông tin chốt danh sách cổ đông, công bố Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thực hiện như quy định tại khoản 5 Điều 10 Quy chế này.
3. Công bố thông tin liên quan đến ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: thời hạn công bố ít nhất là 10 ngày trước ngày chốt danh sách cổ đông dự kiến. ABBANK báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày chốt danh sách cổ đông dự kiến cho VSD, Sở GDCK, cơ quan quản lý có thẩm quyền²⁵.
4. Công bố thông tin trong các trường hợp khác:
- a) ABBANK công bố trên Website ABBANK và gửi Quy chế này cho NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế²⁶.
- b) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, ABBANK công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán²⁷;
- c) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, ABBANK công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán²⁸;
- d) Sau khi chia, tách, sáp nhập, ABBANK là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán²⁹.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu³⁰

Trong các trường hợp sau đây, ABBANK phải công bố thông tin, nêu rõ nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện và giải pháp khắc phục (nếu có) trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCK, Sở GDCK, cơ quan quản lý có thẩm quyền:

1. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
2. Có thông tin liên quan đến ABBANK ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

²⁵ Khoản 4 Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC

²⁶ Khoản 3 Điều 20 Thông tư 41/2016/TT-NHNN

²⁷ Khoản 5 Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC

²⁸ [Footnote #25]

²⁹ [Footnote #26]

³⁰ Điều 10 Thông tư 155/2015/TT-BTC

Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị ABBANK trong việc thực hiện công bố thông tin

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm:

- a) Ban hành Quy trình công bố thông tin để thực hiện Quy chế này, trong đó quy định cụ thể:
- Trình tự các bước và cách thức thực hiện; yêu cầu thời hạn, biểu mẫu sử dụng; cơ chế kiểm tra giám sát tuân thủ trong thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin;
 - Phân công trách nhiệm cho các đơn vị cung cấp thông tin, và các đơn vị, cá nhân liên quan khác trong việc chuẩn bị và cung cấp đầy đủ, đúng hạn, đúng yêu cầu nội dung và biểu mẫu đối với từng vấn đề phải thực hiện công bố thông tin theo Quy chế này cho Đơn vị công bố thông tin để thực hiện công bố theo quy định.
- Quy trình Công bố thông tin phải được công bố trên Website ABBANK và gửi cho NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế³¹.
- b) Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin, nhân sự; bảo đảm việc phối hợp tốt giữa các Đơn vị cung cấp thông tin, các đơn vị hỗ trợ, quản lý vận hành hệ thống kỹ thuật với Đơn vị công bố thông tin; việc kiểm tra, giám sát tuân thủ trong việc thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Đơn vị công bố thông tin:

- a) Quản lý khung thời hạn công bố thông tin và bảo đảm việc công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn và nội dung yêu cầu; chủ động cảnh báo, nhắc nhở các đơn vị về thời hạn thực hiện công bố thông tin;
- b) Làm đầu mối tập trung của ABBANK trong việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Quy chế này;
- c) Chịu trách nhiệm quản lý tài khoản đăng nhập Website ABBANK, tài khoản IDS Plus và các tài khoản đăng nhập vào hệ thống công bố thông tin của các cơ quan quản lý liên quan khác để thực hiện công bố thông tin;
- d) Có trách nhiệm bảo mật các thông tin khi tiếp nhận;
- e) Theo dõi và tổng hợp báo cáo về việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của Quy chế này.

3. Đơn vị cung cấp thông tin:

- a) Cung cấp đầy đủ, đúng hạn, đúng nội dung và biểu mẫu các nội dung thông tin phải công bố đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc lĩnh vực do đơn vị phụ trách cho Đơn vị công bố thông tin để công bố theo quy định;
- b) Thông báo ngay cho Đơn vị công bố thông tin biết và phối hợp khi phát sinh sự kiện phải công bố thông tin bất thường thuộc lĩnh vực do đơn vị mình phụ trách;
- c) Soạn thảo nội dung công bố thông tin, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và phối hợp với Đơn vị công bố thông tin để thực hiện việc công bố thông tin theo quy định;
- d) Hỗ trợ, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin của Đơn vị công bố thông tin bảo đảm thông tin được công bố đúng hạn và đúng nội dung;

³¹ Khoản 3 Điều 20 Thông tư 41/2016/TT-NHNN

- e) Chịu trách nhiệm gửi các báo cáo, hồ sơ, tài liệu cho cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định;
 - f) Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin cung cấp;
 - g) Chịu trách nhiệm đề xuất trình cấp có thẩm quyền xin gia hạn hoặc hoãn công bố thông tin trong trường hợp không đáp ứng được việc gửi thông tin đúng thời hạn; liên hệ theo dõi và thúc đẩy quá trình xử lý cho đến khi có kết quả trả lời của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
4. Văn phòng HĐQT:
- a) Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ bảo đảm việc tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin của ABBANK của Thư ký công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Thực hiện nhiệm vụ giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của ABBANK của Người phụ trách quản trị công ty đại chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - c) Thực hiện nhiệm vụ của Đơn vị cung cấp thông tin đối với các thông tin liên quan và các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - d) Làm đầu mối tiếp nhận thông tin công bố của cổ đông theo quy định tại Chương III Quy chế này để chuyển cho Đơn vị công bố thông tin thực hiện công bố;
 - e) Định kỳ hàng năm rà soát Quy chế này để kịp thời cập nhật sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Chương III

THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA ABBANK VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Điều 14. Công bố thông tin của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn³²

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của ABBANK, hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho UBCK, Sở GDCK và ABBANK theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của ABBANK khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCK, Sở GDCK và ABBANK trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

³² Điều 26 Thông tư 155/2015/TT-BTC

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại điểm a, b Khoản 1 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở GDCK
 - Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại ABBANK/VSD trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở GDCK.
4. Quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do ABBANK giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.
5. ABBANK công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 15. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ³³

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của ABBANK và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCK, Sở GDCK, ABBANK về dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi ABBANK, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở GDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ Sở GDCK.

Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của ABBANK trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.
2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của

³³ Điều 28 Thông tư 155/2015/TT-BTC

ABBANK và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo cho UBCK, Sở GDCK và ABBANK về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của ABBANK hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp người nội bộ của ABBANK hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
5. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, ABBANK phải công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK.
6. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của ABBANK (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của ABBANK phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

Chương IV

PHÁT NGÔN VÀ TRUYỀN THÔNG RA CÔNG CHÚNG CỦA ABBANK

Điều 16. Mục đích, nội dung yêu cầu về phát ngôn và truyền thông ra công chúng

1. Việc phát ngôn, truyền thông ra công chúng phải nhằm mục đích quảng bá, giới thiệu về sản phẩm dịch vụ, uy tín, hình ảnh, năng lực và hoạt động của ABBANK; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của khách hàng và ABBANK; định hướng dư luận giúp công chúng có đầy đủ thông tin cần thiết, hiểu đúng đắn bản chất vấn đề; đánh giá khách quan, chân thực và thiện cảm về ABBANK; hỗ trợ ABBANK không ngừng hoàn thiện và phát triển; ngăn ngừa và xử lý các thông tin sai lệch, ảnh hưởng đến ABBANK.
2. Nội dung dung thông tin được phát ngôn, truyền thông ra công chúng thể hiện quan điểm chính thức của ABBANK đối với vấn đề đó và phải phù hợp với mục đích phát ngôn, truyền thông quy định tại Khoản 1 Điều này và không mâu thuẫn với nội dung thông tin được công bố theo quy định tại Chương 2 Quy chế này về cùng một vấn đề;
3. Cấm thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Phát ngôn, tiết lộ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, công nghệ và các thông tin bảo mật khác của ABBANK thông tin tài khoản và giao dịch của khách hàng, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - b) Phát ngôn, cung cấp thông tin sai sự thật, gây hiểu nhầm hoặc gây ảnh hưởng xấu đến ABBANK;
 - c) Tự ý nhân danh ABBANK để phát ngôn, cung cấp thông tin trái Quy chế này và các quy định nội bộ có liên quan khác của ABBANK.
4. Việc phát ngôn của cán bộ, nhân viên ABBANK với tư cách cá nhân/chuyên gia phải bảo đảm theo quy định sau đây:
- a) Không được gắn thông tin xác định cán bộ nhân viên đó đang làm việc tại ABBANK;
 - b) Không vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;
 - c) Khuyến khích thực hiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này;
 - d) Tự chịu trách nhiệm cá nhân về nội dung phát ngôn.

Điều 17. Thẩm quyền và hình thức phát ngôn và truyền thông ra công chúng

- 1. Người có thẩm quyền phát ngôn của ABBANK bao gồm:
 - a) Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật;
 - b) Tổng Giám đốc;
 - c) Người được uỷ quyền công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này;
 - d) Người được Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ phát ngôn;
 - e) Người được Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc uỷ quyền phát ngôn trong các trường hợp cụ thể.
- 2. Người có thẩm quyền phát ngôn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cấp có thẩm quyền về các thông tin do mình phát ngôn và cung cấp cho báo chí.
- 3. Trừ việc cung cấp thông tin theo đúng nội dung văn bản công bố thông tin đã thực hiện theo quy định tại Chương II Quy chế này, việc phát ngôn, cung cấp thông tin và truyền thông ra công chúng liên quan đến các nội dung sau đây phải báo cáo Chủ tịch HĐQT trước khi thực hiện:
 - a) Nội dung công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định tại Chương 2 Quy chế này, trừ trường hợp nội dung công bố thông tin đó đã được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền thực hiện.
 - b) Nội dung cuộc họp, các hoạt động, quyết định, trách nhiệm, thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT, các Uỷ ban của HĐQT;
 - c) Cổ đông, cổ phần; chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, giao dịch cổ phiếu quỹ, chào mua công khai, tặng, giảm vốn điều lệ; cổ tức
 - d) Quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm và hành động của ABBANK trong các tranh chấp, sự kiện, sự cố, rủi ro;

- e) Tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chuyển, kỷ luật và trách nhiệm của Người nội bộ hoặc các thông tin có liên quan đến nhân sự cấp cao của ABBANK;
 - f) Xử lý sự cố truyền thông;
 - g) Các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc, người phát ngôn, người được ủy quyền công bố thông tin/phát ngôn, cung cấp thông tin hoặc Đơn vị công bố thông tin xét thấy cần báo cáo Chủ tịch HĐQT trước khi thực hiện phát ngôn, cung cấp thông tin.
4. Việc truyền thông ra công chúng phải thực hiện thông qua đầu mối tập trung duy nhất là Đơn vị công bố thông tin quy định tại Khoản 10 Điều 3 Quy chế này. Các đơn vị, cá nhân có nhu cầu quảng bá thông tin ra công chúng hoặc có yêu cầu phản hồi thông tin báo chí phải liên hệ và thực hiện theo hướng dẫn của của Đơn vị công bố thông tin.
5. Đơn vị công bố thông tin chịu trách nhiệm trong việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí cụ thể như sau:
- a) Tham mưu, tư vấn, chuẩn bị các thông cáo báo chí;
 - b) Hướng dẫn việc thực hiện phát ngôn, cung cấp thông tin ra bên ngoài;
 - c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, cá nhân liên quan đề ra phương án dự phòng, phương án xử lý, khắc phục sự cố truyền thông khi phát sinh;
 - d) Chủ động thiết lập và duy trì các kênh liên hệ, tương tác với báo chí, các trang thông tin điện tử, diễn đàn mạng xã hội để thực hiện mục đích truyền thông công chúng;
 - e) Thường xuyên theo dõi tổng hợp tình hình dư luận, báo chí để phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất nội dung phản hồi, khắc phục tác động tiêu cực đến uy tín, hình ảnh ABBANK;
 - f) Phối hợp tư vấn, đề xuất, chuẩn bị nội dung yêu cầu cơ quan báo chí, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện cải chính, khắc phục hậu quả khi đăng tải thông tin chưa chính xác, sai sự thật về ABBANK.
6. Việc phát ngôn, cung cấp thông tin, truyền thông ra công chúng được thực hiện dưới các hình thức sau đây:
- a) Thông cáo báo chí;
 - b) Bài đăng báo, clip hình ảnh, file âm thanh;
 - c) Hộp báo/Trả lời phỏng vấn;
 - d) Các hình thức phù hợp khác.
7. Tổng Giám đốc ban hành Quy trình phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và hướng dẫn thực hiện các quy định tại Chương này.



Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Hiệu lực và tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2020 và thay thế Quy chế Công bố thông tin được ban hành kèm theo Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 14/10/2013 của Hội đồng Quản trị.
2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề chưa được quy định trong Quy chế này hoặc có những thay đổi về pháp luật, mẫu biểu chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời dẫn đến quy định của Quy chế này mâu thuẫn/không phù hợp với quy định của pháp luật về cùng một vấn đề thì việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *AB*



Đào Mạnh Kháng